

TTKh. tác giả bài thơ Hai sắc hoa ty gön là ai?



Thuy Khuê

Trong những bài thơ tác giả ẩn danh hoặc ký tên nhưng không biết rõ người ấy là ai, *Hai sắc hoa ty gön* và TTKh là một huyền thoại lãng mạn đã gây mối thắc mắc cho nhiều thế hệ yêu thơ.

Câu chuyện bắt đầu cách đây 70 năm, ngày 27/9/1937 trên tuần báo *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, số 174 xuất bản tại Hà Nội, có đăng truyện ngắn *Hoa ty gön* của Thanh Châu, nội dung kể lại mối tình tan vỡ của một đôi trai gái ngày trước đã hò hẹn dưới giàn hoa ty gön. Ít lâu sau, một người đàn bà trẻ, dáng dấp bé nhỏ, nét mặt u buồn, mang đến tòa soạn *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* một phong bì dán kín, gửi cho ông chủ bút, trong có bài thơ *Hai sắc hoa ty gön*, ký tên TTKh. Bài thơ *Hai sắc hoa ty gön* được đăng trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* số 179, ra ngày 30/10/1937, và sau đó còn có ba bài nữa cũng ký tên TTKh. được gửi bằng đường bưu điện đến tòa soạn, đó là những bài:

Bài thơ thứ nhất, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* số 182 (20/11/1937)

Đan áo cho chồng, đăng trên *Phụ Nữ Thời Đàm*,

và *Bài thơ cuối cùng*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, số 217 (23/7/1938).

Bài thơ thứ nhất xuất hiện sau *Hai sắc hoa ty gön* gần một tháng, và *Bài thơ cuối cùng* xuất hiện 8 tháng sau. Ngay sau khi *Hai sắc hoa ty gön* xuất hiện, giới văn nghệ sĩ đã xôn xao, thi sĩ J. Leiba, người có cùng tâm sự với TTKh., và là tác giả hai câu thơ nổi tiếng "*Người đẹp vẫn thường hay chết yếu. Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai*", chép lại nguyên văn bài

Hai sắc hoa ty gön trên *Ngọ Báo* với lời mở đầu:

*Anh chép bài thơ tự trái tim
Của người thiếu phụ lỡ làng duyên
Lời thơ tuyệt vọng ca đau khổ
Yên ủi anh và để tặng em.*

Nguyễn Bính sau khi đọc *Bài thơ thứ nhất* đã viết bài *Dòng dư lệ* để tặng TTKh., in trong tập *Lỡ bước sang ngang* và *Thâm Tâm* có ba bài *Màu máu ti gön*, *Dang dở* và *Gửi TTKh*. Hầu hết những bài thơ này đều được ghi vào văn học sử và nhiều thế hệ sau còn có những bài thơ sục sùi thương cảm cho số phận TTKh. Vậy TTKh. nàng là ai?

Hai sắc hoa ty gön đã mở đường cho một lối lãng mạn khác với lãng mạn Đông Hồ, Tương Phố. Có thể nói *giọt lệ mới* nơi TTKh. không phải là giọt lệ khóc chồng, khóc vợ mà là giọt lệ *khóc cho tình yêu*, hơn thế nữa, khóc cho người tình ngoài chồng, một đối tượng tự do, phóng khoáng, vượt khỏi khuôn khổ lễ giáo thời bấy giờ. Và lần đầu tiên hai chữ *người ấy* được chính thức đưa vào thi ca, trở thành "cổ điển", được chấp nhận trong ngôn ngữ gởi đầu giường của giới trẻ trong nhiều thế hệ:

*Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn
Nhật cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.*

*Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng
Dải đường xa vút bóng chiều phong,
Và phương trời thăm mờ sương, cát,
Tay vút dây hoa trắng chạnh lòng.*

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng: "Hoa, dáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!"

Thuở ấy, nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh ly,
Cho nên cười đáp: "Màu hoa trắng
Là chút long trong chẳng biến suy."

Đâu biết lần đi một lữ làng,
Dưới trời đau khổ chết yêu đương.
Người xa xăm quá! - Tôi buồn lắm,
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường...

Từ đây, thu rồi, thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim bóng "một người".

Buồn quá! hôm nay xem tiểu thuyết
Thấy ai cũng ví cánh hoa xưa
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ.
Và đỏ như màu máu thấm pha!

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa xôi...
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã,
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi!

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu, hoa đỏ rụng chiều thu
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng,
Người ấy ngang sông đứng ngóng đò.

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ tới loài hoa... vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng?

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 179, 30-10-1937)



Trong văn xuôi, hai chữ *người ấy* đã được Nguyễn Trọng Quản dùng để chỉ người tình trong truyện ngắn *Thầy Lazarro Phiền* từ 1887 và Thanh Châu xướng lên hình ảnh *hoa ty gôn* trong truyện ngắn đăng trước bài thơ của TTKh. một tháng, cũng trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*. Nhưng TTKh. mới là người người nghệ sĩ đầu tiên đã đem hai chữ *người ấy* và hình ảnh *hoa ty gôn* vào thơ, như một hình tượng nghệ thuật mơ hồ và phiếm định về người tình và cuộc tình tan vỡ. Về mặt tâm lý xã hội, người đàn bà có chồng thời những năm 36 - 37, mấy ai dám nói đến người tình một cách công khai? TTKh. đã viết nên tâm sự bao nhiêu người đàn bà cùng cảnh ngộ ngang trái, sống trong xã hội Không Mạnh đầu thế kỷ:

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim bóng "một người".

Trong *Bài thơ thứ nhất*, in sau *Hai sắc hoa ty gôn* một số, yếu tố xác định về cuộc tình này được nêu lên qua những câu:

Ở lại vườn Thanh có một mình
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh
Yêu trắng lạng lẽ rơi trên áo
Yêu bóng chim xa nắng lướt màn.

và nhất là hai câu cuối:

Biết đâu tôi một tâm hồn héo
Bên cạnh chồng nghiêm lưỡng tuổi rồi.

Vườn Thanh và chồng nghiêm là hai yếu tố gây ra tranh cãi sau này về nơi xảy ra cuộc tình, vườn Thanh ở đây có phải là ở Thanh Hóa không? Và người chồng của TTKh. tên là gì, có phải là Nghiêm không?

Đến bài thơ thứ ba, bài *Dan áo cho chồng*, lời thơ xa xót đầy nước mắt:

*Ngoài trời mưa gió xôn xao
Ai đem khóa chết chim vào lồng nghiêm
Ai đem lễ giáo giam em
Sống hờ trọn kiếp trong duyên trái đời.*



và *Bài thơ cuối cùng* có những câu gần như khó hiểu:

*Trách ai mang cánh “ti gôn” ấy
Mà viết tình em được ích gì?*

Bởi nếu nàng, TTKh., là người đem chuyện của mình ra viết thì tại sao lại *trách ai*? Vậy *ai* đây là ai? Là nàng trách chính nàng hay nàng trách người yêu? Nhất là đoạn sau, lời trách cứ càng thêm gay gắt:

*Là giết đời nhau đây biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung
Giận anh em viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng.*

Tất cả những lời trách móc u uẩn này với nhịp điệu du dương, lời thơ tha thiết, gẩn bó, làm cho toàn bộ tác phẩm trở thành huyền thoại.

Nếu so sánh 4 bài thơ ký tên TTKh. và 3 bài thơ "trả lời" của Thâm Tâm in trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* sau đó, người ta có thể mở được những nắp cửa đầu tiên vào những bí ẩn này. Bài *Gửi TTKh.* có những câu:

...
*Tiếng xe trong vết bụi hồng
Nàng đi thuở ấy nhưng trong khói mờ
Tiếng xe trong xác pháo xưa,
Nàng đi có bốn bài thơ trở về
Tiếng xe mở lối vu qui
Nay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời!
Miệng chồng, Khánh gắn trên môi
Hình anh, mắt Khánh sáng ngời còn mơ.
Từ ngày đàn chia đường tơ
Sao tôi không biết hững hờ nàng đan
Kéo dài một chiếc áo len
Tơ càng đứt mối, nàng càng nói dây.
Nàng còn gỡ mãi trên tay,
Thì tơ duyên mới đã thay hẳn màu.
Góp hai thứ tóc đôi đầu,
Sao còn đan nói những câu tâm tình?
Khánh ơi còn hỏi gì anh?
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng."*

....
Thâm Tâm nhắc đến người yêu tên Khánh. Vậy TTKh. là ai? TTKh. là những chữ Thâm Tâm - Khánh, viết tắt? Hay TTKh. là Tuấn Trinh - Khánh (vì Thâm Tâm tên thật là Nguyễn Tuấn Trinh). Hay TTKh. là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm?

Có thể nói hầu hết những nhà phê bình biên khảo từ Hoài Thanh, Hoài Chân, trong *Thi Nhân Việt Nam* (1940), Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* (1965), Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Tấn Trọng trong *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến* (1968) ... và gần đây trong *Tuyển Tập Thơ Mới 1932-*

1945 Tác Giả và Tác Phẩm do Lại Nguyên Ân và Ý Nhi tập hợp phát hành năm 1992. Tất cả đều đánh dấu hỏi về TTKh.

Lập luận của Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng

Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng là hai nhà biên khảo đầu tiên có ý tìm hiểu kỹ nhất về cái mà hai ông gọi là "*Nghi án TTKh. và Thâm Tâm*". Trong bộ *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*, hai ông đưa ra những nhân chứng và những giả thuyết đã xuất hiện trên báo chí văn đàn từ năm 38 đến 68 của các ông Giang Tử, Thạch Hồ, Y Châu, Nguyễn Bá Thế, Lê Công Tâm, Anh Đào. Người thì cho rằng TTKh. chính là Thâm Tâm. Người lại quả quyết TTKh. là Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm.

Ông Giang Tử thuật lại cuộc gặp gỡ với nhà thơ Tế Hanh vào tháng 11 năm 1944 trên chuyến xe đi Quảng Ngãi: "Tế Hanh cho biết TTKh. chính là Trần Thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh Hoá và kể rõ thiên tình hận của nàng và thi sĩ Thâm Tâm. Giả thuyết này không đứng vững vì Tế Hanh không phải người Thanh Hoá mà Quảng Ngãi và vườn Thanh trong bài thơ không chắc đã là Thanh Hoá.

Ông Thạch Hồ và ông Y Châu đều cho biết: TTKh. là một nhân vật có thật, đã đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm Tâm ở Khâm Thiên, lúc ông này ở chung với Nguyễn Bính và Trần Huyền Trân (giả thuyết này phù hợp với lời tường thuật của Nguyễn Vũ sau này).

Ông Nguyễn Bá Thế, tức nhà văn Thế Nguyên lại xác định: TTKh. chính là nhà văn Thâm Thệ Hà, có tên thật là Tạ Thành Kinh, TT là Tạ Thành còn K và H là chữ Kinh viết tắt. Việc này bị Thâm Thệ Hà phủ định hoàn toàn.

Nhưng có ba giả thuyết đáng chú ý:

- Trên tạp chí Giáo Dục Phổ Thông, số 49, ra ngày 1/11/1959, ông Lê Công Tâm cho biết: TTKh. chính là thi sĩ Thâm Tâm, người đã

dàn cảnh một thiếu phụ bị ép duyên, khóc tình dang dở bằng những bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn* và *Bài thơ thứ nhất*.

- Báo Sóng ra ngày 15/4/1967, có bài của ông Nguyễn Tô, xác định đã sống chung với Thâm Tâm năm 1936, cùng với Trần Huyền Trân, Vũ Trọng Can. Thâm Tâm có mấy bài thơ ký tên TTKh. như bài *Hai sắc hoa ty gôn*. Lúc đó Khánh là người mà Thâm Tâm yêu say đắm, lúc Khánh đi lấy chồng, Thâm Tâm đau khổ gần như phát điên. Lũ chúng tôi vừa giễu cợt, vừa khuyên lơn. Chính trong thời gian thất tình, Thâm Tâm viết được mấy bài thơ ký tên TTKh.

- Nhưng trong báo Nhân Loại, bộ mới số 108 ra tháng 7 năm 1958 tại Sài Gòn, ông Anh Đào lại đưa ra một thoại mới mà thoại này, theo ông, do chính Thâm Tâm kể lại. Ông Anh Đào kể rằng: Năm 1941, trong một đêm thu lạnh lẽo, ông được ngồi giữa hai nhà thơ Nguyễn Bính và Thâm Tâm bên một bàn đèn thuốc phiện và chính ông được nghe Thâm Tâm tâm sự. Thâm Tâm nói rằng: TTKh. là tên một thiếu phụ mà trước kia tôi yêu. Và Thâm Tâm xác định những bài thơ đăng trên báo là của *nàng*, và ông Anh Đào kết luận rằng Thâm Tâm xứng đáng là "người ấy" của TTKh.

Sau khi đưa ra các luận chứng và giả thuyết trên đây, Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng, tác giả *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến*, kết luận:

TTKh. không thể là sản phẩm tưởng tượng của Thâm Tâm vì đó là nỗi lòng tha thiết của một người, với những vần thơ lâm ly như thế thì người khác không thể viết thay được. vậy Thâm Tâm là Thâm Tâm và TTKh. là TTKh. Hai người có thể là đôi tri kỷ nhưng không thể cùng là một người. Các tác giả *Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến* muốn đóng hồ sơ nghi án trên một huyền thoại.

*

Sự xác định của Nguyễn Vũ

Năm 1970, khi nhà thơ Nguyễn Vũ xuất bản cuốn *Văn Thi Sĩ Tiền Chiến* tại Sài Gòn, thì

ông đã đưa sự thực về Thâm Tâm và TTKh. ra ánh sáng.

Như chúng ta đã biết, sau Phan Khôi, Nguyễn Vũ cùng với Lưu Trọng Lư, Nguyễn Thị Mạnh Mạnh, Thế Lữ là những người đã phát triển phong trào Thơ Mới. Nguyễn Vũ và Mộng Sơn lập trường phái Bạch Nga, chủ trương cách tân thơ, chú trọng đến khía cạnh âm nhạc và hình thức xếp chữ trong thơ. Trường phái Bạch Nga bị Thế Lữ và Hoài Thanh đả kích kịch liệt, thơ Nguyễn Vũ không được tiếp nhận đúng mức. Đánh giá thơ Nguyễn Vũ là một vấn đề khác mà chúng tôi không đề cập đến trong bài này. Nguyễn Vũ là bạn thân của Lan Khai, Lưu Trọng Lư, Trương Tửu và trong cuốn *Văn Thi Sĩ Tiền Chiến* ông đã vẽ lại chân dung 35 nhà văn, nhà thơ sinh hoạt trong không khí văn học từ đầu thế kỷ đến 1945. Một tư liệu quý cho những người nghiên cứu văn học.

Sau hơn 30 năm im lặng, 1970, một năm trước khi mất, Nguyễn Vũ đã công bố những lời tâm sự của Thâm Tâm 22 năm sau khi nhà thơ qua đời trong bài viết *Thâm Tâm và sự thất về TTKh.* mà chúng tôi xin lược trình sau đây:

Năm 1936, 37 có xuất hiện ở phố Chợ Hôm, ngoại ô Hà Nội, một nhóm văn sĩ trẻ với bút hiệu là Trần Huyền Trân, Thâm Tâm và một vài người nữa. Ít ai để ý đến họ. Huyền Trân và Thâm Tâm đều mới 18, 19 tuổi. Họ có một tờ tuần báo nhỏ, tên là Bắc Hà ở phố Chợ Hôm. Chủ động trên tờ báo là Trần Huyền Trân. Báo Bắc Hà bán không chạy lắm, tuy có vài mục hài hước, vui, nhờ mấy bức vẽ của Tuấn Trinh. Thâm Tâm là bút hiệu của Tuấn Trinh. Tuấn Trinh vẽ nhiều hơn viết, thỉnh thoảng đăng một bài thơ, vài mẩu truyện ngắn. Đôi khi thấy xuất hiện trên mặt báo vài ba bài thơ có tính cách ca dao, ái tình của Nguyễn Bính học sinh lớp nhất trường tiểu học Hà Đông. Nguyễn Bính thi rớt, nghỉ học luôn.

Tôi -tức là Nguyễn Vũ- tuy không chơi thân, nhưng quen biết Trần Huyền Trân khá nhiều vì anh ta ở trọ một căn nhà trong ngõ Khâm Thiên, phía sau chợ. Tôi ở một gác trọ của đường Khâm Thiên, gần Ô Chợ Dừa. Đôi khi Trần Huyền Trân nhờ tôi viết bài cho tuần báo Bắc Hà "cho vui" vì không có tiền nhuận

bút. Để tỏ tình thông của văn nghệ, tôi có viết một truyện ngắn khôi hài, và chỉ có một lần.

Trong một số báo đặc biệt Mùa Hè, Tuấn Trinh có vẽ một cặp Bạch Nga bơi trên Hồ Hoàn Kiếm và ghi ở dưới "Nguyễn Vũ và Mộng Sơn".

Tôi quen biết Tuấn Trinh là do Trần Huyền Trân giới thiệu. Nhà anh ở Chợ Hôm, cách chợ độ ba, bốn trăm thước. Anh đẹp trai, y phục lúc nào cũng bánh bao, người có phong độ hào hoa, lịch thiệp. Tôi thấy ở Sài Gòn có anh Hoàng Trúc Ly, nhà văn, giống na ná Tuấn Trinh về dáng điệu cũng như tính tình, tư cách. Nhiều khi gặp Hoàng Trúc Ly trên đường Bonnard Sài Gòn, tôi quên lửng, cứ tưởng như gặp Tuấn Trinh trên phố Chợ Hôm Hà Nội.

Một buổi chiều gần tối, Tuấn Trinh đi lang thang gần chợ Khâm Thiên. Tôi từ Hà Nội về nhà, tôi tưởng anh đến Trần Huyền Trân, nhưng anh bảo: Thăng Huyền Trân nó đi đâu, không có nhà [...] Tôi rủ anh về gác trọ của tôi ở cuối phố.

Hôm ấy, tôi có vài chục bạc trong túi, có thể làm một tiệc bánh giò chả lụa với Tuấn Trinh. Tôi bảo anh ở lại ngủ với tôi cho vui. Đêm ấy cao hứng, Tuấn Trinh ngà ngà say rượu Văn Điển, kể chuyện tình của anh với cô Khánh cho tôi nghe.

Trần Thị Khánh là một cô học trò lớp nhất trường tiểu học Sinh Từ. Thi hỏng, cô ở nhà giúp mẹ làm việc nội trợ. Nhà cô cũng ở đường Sinh Từ, ngay cạnh Thanh Giám, nơi đền thờ Không Tử.

Thanh Giám là một thắng cảnh Hà Nội, đã liệt vào cổ tích Việt Nam, xây cất từ đời nhà Lý, tu bổ cho tới đời nhà Lê, hình chữ nhật, xung quanh xây tường đá ong, cao độ hai thước. Đền thì ở trong cùng, trước đền có Hồ Tròn, hai bên hồ có những tấm bia ghi tên các tiến sĩ đời nhà Lê. Vào Thanh Giám có cổng tam quan lớn, trước cổng có tấm bia đề hai chữ Hán "Hạ mã" và hai trụ cao. Trong vườn trồng rất nhiều cây cổ thụ và các cây kiềng, nơi đây rất yên tĩnh và mát mẻ, cũng là nơi các cặp trai gái hẹn hò tâm sự.

Trước kia có một bầy quạ chiều tối bay về đây ngủ, cho nên người Pháp cũng gọi là

Pagode des corbeaux. Chùa Quạ, ngoài danh từ lịch sử Temple de Confucius, Đền Khổng Tử.

Cô nữ sinh Trần Thị Khánh là một thiếu nữ đẹp [...]. Tuấn Trình có người cô, nhà ở phố Chợ Cửa Nam, gần Sinh Từ. Anh thường đến đây và thường trông thấy cô Khánh đi chợ mỗi buổi sáng. Lúc ấy vào khoảng tháng 2 năm 1936, họa sĩ Tuấn Trình -tên gọi hồi đó- mới 19 tuổi, và cô Khánh 17 tuổi. Tuấn Trình mới bắt đầu vẽ và viết chút ít trong tờ tuần báo Bắc Hà của Trần Huyền Trân vừa xuất hiện.

Sau một vài tháng theo dõi, Tuấn Trình làm quen được với cô Khánh và gửi báo Bắc Hà tặng cô. Cô gái 17 tuổi, cảm mến người nghệ sĩ tài hoa, tình yêu chớm nở như cánh hoa antigone trắng cũng vừa chớm nở trong tháng đầu hè trước sân nhà cô.

Antigone là loại hoa của người Pháp đem qua hồi đầu thế kỷ, không thơm nhưng đẹp. Nó là loại hoa dây, lá giống như lá nho, cho nên ở miền Nam nhiều người gọi là hoa nho. Có hai loại: hoa trắng và hoa hồng. Hoa nở vào đầu mùa hè thành những chùm rất dễ thương, nụ hoa giống hình trái tim nho nhỏ.[...] Ở Hà Nội người ta trồng rất nhiều và bán cũng rất nhiều ở chợ Đồng Xuân, cũng như ở Chợ Hoa, bờ hồ Hoàn Kiếm. Cắm nó vào lọ để phòng khách, nó bung ra một vẻ lãng mạn, khả ái lắm. Người Bắc gọi tắt là hoa ty gön. Ở phố Sinh Từ, antigone mọc rất nhiều, như trước sân nhà ông Nguyễn Văn Vĩnh và Nguyễn Nhược Pháp. Nhà trọ của Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều ở phố Hàm Long có cả một giàn hoa trắng và hồng. Nhưng mùa đông lá rụng, hoa tàn thì không cảnh nào tiêu sơ quạnh quẽ bằng.

Tình yêu của Tuấn Trình và Trần Thị Khánh chớm nở ngay lúc những chùm hoa antigone vừa hé nụ, và chết (trong những ngày) giữa mùa đông năm đó, trong lúc giàn hoa ty gön ủa tàn, rụng ngập đầy sân.

Thời kỳ mơ mộng ngắn ngủi trong mấy tháng hè, sang hết mùa thu, không đem lại chút thỏa mãn nào cho tâm hồn khao khát của Tuấn Trình.

Chính lúc này Tuấn Trình lấy bút hiệu là Thâm Tâm. Một vài bài thơ tình thức đêm làm tặng cô Khánh. Những bài thơ đầu tiên đăng trên tuần báo Bắc Hà đều ký là Thâm Tâm,

nhưng các tranh vẽ trong báo vẫn ký Tuấn Trình. Nhưng cô gái 17 tuổi, dè dặt, theo lễ giáo của gia đình, chưa thật bao giờ đáp ứng đúng với tình yêu tha thiết của Tuấn Trình Thâm Tâm.

Trong lúc những cặp tình nhân trẻ trung dặt nhau đi du ngoạn khắp nơi thơ mộng ở Hà Nội và ngoại ô, thì Trần Thị Khánh cứ phải từ chối những lời mời của Thâm Tâm. Cô thường nói: "Thầy mẹ em *ngghiêm* lắm, gia đình em *ngghiêm* lắm." Lần nào cô Khánh cũng lặp lại chữ *ngghiêm* gia giáo ấy để trả lời kỳ vọng khát khao của người yêu.

Chỉ được hai lần Khánh đến nơi hẹn, nhưng không được lâu. Lần thứ nhất, một đêm trăng, Khánh lên băng qua đường vào vườn Thanh Giám. Tuấn Trình đã chờ người yêu nơi đây, dưới bóng cổ thụ. Nhưng cả hai cũng không nói được gì, Khánh run sợ. Tuấn Trình bối rối, tất cả những lời lẽ bay bướm đã sắp sẵn, bây giờ quên hết. Cuối cùng lại trách móc nhau vì những chữ "Thầy mẹ em *ngghiêm* lắm" và rồi Khánh cũng vội vã chạy về nhà.

Lần thứ hai, vườn Thanh Giám đêm ấy cũng ngập ánh trăng thu. Nhiều người nói Thanh là Thanh Hóa, là hoàn toàn sai sự thật. Nhưng thái độ của Khánh lạ lùng, khó hiểu. Hình như Khánh muốn nói với Tuấn Trình một điều gì, nhưng ngại ngần không nói. Rồi nàng buồn bã hỏi: "Anh định bao giờ đến xin thầy mẹ cho chúng mình?" Chàng họa sĩ bối rối trước câu hỏi bất ngờ. Chàng lơ đãng bảo: "Anh chưa nghĩ đến việc ấy, vì..." Câu chuyện bị bỏ dở nơi đây cho đến khi từ giã. Hai người vẫn thư từ với nhau cho đến một hôm... Tuấn Trình nhận được một bức thư của người yêu, không, của người đã hết yêu, báo tin nàng sắp lấy chồng.

Thư viết bằng mực tím, trên bốn trang giấy học trò, xé trong một quyển vở Nam Phương Hoàng hậu (loại vở học trò rất thông dụng lúc bấy giờ).

Đại khái trong thư Khánh nhắc lại tình yêu "thơ mộng" của cô với "người nghệ sĩ tài hoa son trẻ", đó là những chữ cô dùng trong thư. Tình yêu rất đẹp, nhưng vì thầy mẹ của cô rất "ngghiêm" theo lễ giáo, nên dù vị hôn phu của cô là một người chỉ mới biết sơ thôi nhưng cô vẫn có "bổn phận phải giữ tròn chữ hiếu", cô

than thở đời cô khổ nên tình duyên ngang trái, cô khóc suốt đêm, v.v... Cuối thư ký tắt Kh.

Tuy Khánh không viết gì về vị hôn phu và ngày cưới, nhưng sau đó hỏi, Tuấn Trình được biết chồng Khánh là một nhà buôn giàu có ở phố Hàng Ngang, 39 tuổi, đẹp trai, góa vợ và không có con. (Trong câu thơ bên cạnh chồng Nghiêm luống tuổi rồi là chỉ sự cách biệt tương đối giữa tuổi 39 của người chồng và tuổi vị thành niên của Khánh)

Tiệc cưới rất linh đình, rước dâu bằng 10 chiếc Citroën mới. Cô dâu đeo nữ trang rực rỡ, mặc chiếc áo màu đỏ tươi, lộng lầy ngồi cạnh người chồng mặc áo gấm xanh.

Đêm trước hôm cô Khánh lên xe hoa, Thâm Tâm tổ chức tại tòa báo Bắc Hà một tiệc thịnh soạn, uống Mai quế lộ, mời Trần Huyền Trân, Nguyễn Bình và Vũ Trọng Can tham dự. Họ say sưa ngâm thơ, làm thơ, cười đùa cho đến khuya rồi lăn ra ngủ trên đất.

Trái với mọi dự đoán, Khánh rất hạnh phúc với chồng. Người đau khổ là Tuấn Trình Thâm Tâm. Vừa nhớ thương đơn phận, vừa bị mặc cảm của người nghệ sĩ nghèo bị người yêu bỏ rơi, lại còn bị mấy thằng bạn chế nhạo, đùa bỡn, nhất là Vũ Trọng Can.

Vì một chút tự ái văn nghệ, Tuấn Trình đã thức suốt đêm, theo lời anh thuật lại, để làm bài thơ *Hai sắc hoa ty gôn*, ký tên TTKh., với thâm ý cho Trần Huyền Trân và Vũ Trọng Can tin là của Khánh làm ra để thương tiếc mối tình tan vỡ. Muốn giữ tính cách bí mật, Tuấn Trình nhờ cô em họ chép lại bài thơ trên, dán kín bao thơ và nhờ cô này mang thư đến tòa báo.

Tất nhiên là giọng thơ lãng mạn của Tuấn Trình hoàn toàn khác với lời tâm sự trong bức thư cuối cùng của Khánh báo tin sắp lấy chồng. Cô Khánh không biết làm thơ. Và theo lời Tuấn Trình, cô ghét những bài thơ của Thâm Tâm. Sau khi nhận được bức thư cuối cùng của Khánh, trong thư Khánh tỏ ý không bằng lòng Tuấn Trình đã mượn tên cô để làm thơ kể chuyện tình duyên cũ trên báo, có thể làm hại đến cuộc đời của cô. Trong lá thư phản đối đó, Khánh xung tôi chứ không xung em nữa.

Thâm Tâm lấy nội dung những lời thơ nghiêm khắc, giận dữ của người yêu cũ để làm *Bài thơ cuối cùng* với những câu:

*Trách ai mang cánh “ti gôn” ấy
Mà viết tình em được ích gì?*

*Bài thơ đàn áo nay rao bán
Cho khắp người đời thóc mách xem.
Là giết đời nhau đây biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung*

*Giận anh em viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng.
Từ nay anh hãy bán thơ anh
Còn để yên tôi với một mình*

Thâm Tâm lấy những lời, những chữ trách móc của Khánh trong thư để làm bài thơ ký tên TTKh. một lần cuối cùng, và để đáp lại *Bài thơ cuối cùng*, Thâm Tâm làm bài *Dang dở* tặng TTKh., cũng là bài thơ kết thúc niềm đau của mối tình dang dở:

*Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn càng muốn kết thành thơ,
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.*

*Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
Nhu mộng kiều đậm ấm tuổi xuân xanh,
Nhu hương trinh bát ngát ý dịu lành,
Hòa nhạc mới chiều dâng tơ hạnh phúc.*



Bài thơ thứ nhất*T.T.Kh.*

Thuở trước hồn tôi phơi phới quá
 Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương
 Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại
 Êm ái trao tôi một vết thương.
 Tai ác ngờ đâu gió lại qua
 Làm kinh giấc mộng những ngày hoa
 Thối tan tâm điệu du dương trước
 Và tiễn người đi bến cát xa.
 Ở lại vườn Thanh có một mình
 Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh
 Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo
 Yêu bóng chim xa nắng lướt mảnh.
 Và một ngày kia tôi phải yêu
 Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
 Những cô áo đỏ sang nhà khác
 Gió hời làm sao lạnh rất nhiều.
 Từ đây không mong không dám hẹn
 Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm
 Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ
 Người ấy ghi lòng vẫn nhớ em.
 Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên
 Bỗng ai mang lại cánh hoa tim
 Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
 Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.

Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
 Đã bọc hoa tàn dấu xác xơ
 Tóc úa giết dần đời thiếu phụ
 Thì ai trông ngóng chả nên chờ.
 Viết đoạn thơ đầu lo ngại quá
 Vì tôi còn nhớ hẹn nhau xưa:
 “Cố quên đi nhé câm mà nín
 Đùng thờ than bằng những giọng thơ”.
 Tôi run sợ viết lặng im nghe
 Tiếng lá thu khô xiết mặt hè
 Như tiếng chân người len lén đến
 Song đời nào dám gặp ai về.
 Tuy thế tôi tin vẫn có người
 Thiết tha theo đuổi nữa than ôi
 Biết đâu tôi một tâm hồn héo
 Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 182, 20-11- 1937)**Đan áo cho chồng***T.T.Kh.*

Chị ơi, nếu chị đã yêu
 Đã từng lỡ hái ít nhiều đau thương
 Đã xa hẳn quãng đời hương
 Đã đem lòng gửi gió sương mịt mù
 Hay chẳng chị mỗi chiều đông
 Đáng thương những kẻ có chồng như em
 Vẫn còn giá lạnh trong tim
 Đan đi đan lại áo len cho chồng
 Con chim ai nhốt trong lồng
 Hạt mưa nó rụng bên sông bơ thờ
 Lưng trời nổi tiếng tiêu sơ
 Hay đâu gió đã sang bờ ly tan
 Tháng ngày miễn cưỡng em đan
 Kéo dài một chiếc áo lam cho chồng
 Như con chim nhốt trong lồng
 Tháng ngày than tiếc ánh hồng nơi nao
 Ngoài trời hoa nắng xôn xao
 Ai đem khóa chết chim vào lồng nghiêm
 Ai đem lễ giáo giam em
 Sống hờ hết kiếp trong duyên trái đời
 Lòng em khổ lắm chị ơi
 Trong bao ngờ vực với lời mỉa mai
 Quang cảnh lạ, tháng năm dài
 Đêm đêm nằm tưởng ngày mai giặt mình.

(Phụ nữ thời đàm)

Bài thơ cuối cùng*T.T.Kh.*

Anh hỡi, tháng ngày xa quá nhỉ?
 Một mùa thu cũ một lòng đau...
 Ba năm ví biết anh còn nhớ,
 Em đã cầm lời có nói đâu!
 Đã lỡ thôi rồi chuyện biệt ly,
 Càng khơi càng thấy lụy từng khi
 Trách ai mang cánh "ti gôn" ấy
 Mà viết tình em được ích gì?
 Chỉ có ba người đã đọc riêng
 Bài thơ "đan áo" của chồng em
 Bài thơ "đan áo" nay rao bán
 Cho khắp người đời thóc mách xem...
 Là giết đời nhau đấy biết không?
 ...Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung
 Giận anh, em viết dòng dư lệ,
 Là chút dư hương điệu cuối cùng!
 Từ nay anh hãy bán thơ anh
 Còn để yên tôi với một mình
 Những cánh hoa lòng, hừ! đã ghét
 Thì đem mà đổi lấy hư vinh.
 Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
 Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi...
 Buồng nghiêm thờ thần hồn eo hẹp
 Đi nhớ người không muốn nhớ lời!
 Tôi oán hờn anh mỗi phút giây,
 Tôi run sợ viết, bởi rồi đây,
 Nếu không yên được thì tôi ... chết
 Đêm hỡi, làm sao tối thế này?
 Năm lại năm qua cứ muốn yên
 Mà phương ngoài gió chẳng làm quen;
 Và người vỡ lẽ duyên thâm kín
 Lại chính là anh? anh của em!
 Tôi biết làm sao được hỡi trời?
 Giận anh không nở nhớ không thôi!
 Mưa buồn mưa hắt trong lòng ướt...
 Sợ quá đi, anh... "có một người"!...

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 217, 23-7-1938)

Gửi T.T. Kh.

Các anh hãy uống thật say,
 Cho tôi những cốc rượu đầy rồi im

Giờ hình như quá nửa đêm?
 Lòng đau đem lại cái tin cuối mùa
 Hơi đàn buồn như trời mưa
 Các anh tắt nốt âm thừa đi thôi
 Giờ hình như ở ngoài trời
 Tiếng xe đã nghiêng đã rời rã đi.

Hồn tôi lờ mờ sương khuya
 Bởi chung tôi viết bài thơ trả lời
 Vâng, tôi biết có một người
 Một đêm cố tưởng rằng tôi là chồng
 Để hôm sau khóc trong lòng
 Vâng tôi có biết cánh đồng thời gian
 Hôm nay rụng hết lá vàng
 Và tôi lỡ chuyến chiều tàn về không.
 Tiếng xe trong vết bụi hồng
 Nàng đi thuở ấy nhưng trong khói mờ.
 Tiếng xe trong xác pháo xưa,
 Nàng đi có bốn bài thơ trở về.
 Tiếng xe mở lối vu qui
 Nay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời!
 Miệng chồng Khánh gắn trên môi
 Hình anh mắt Khánh sáng ngời còn mơ.
 Từ ngày đàn chia đường tơ
 Sao tôi không biết hững hờ nàng đan.
 Kéo dài một chiếc áo len
 Tơ càng đứt mối, nàng càng nổi giầy.
 Nàng còn gỡ mãi trên tay
 Thì tơ duyên mới đã thay hẳn màu.
 Góp hai thứ tóc đôi đầu,
 Sao còn đan nổi những câu tâm tình?
 Từng năm từng đưa con non
 Mỉm cười vá kín vết thương lại lành.
 Khánh ơi còn hỏi gì anh?
 Xưa tình đã vỡ, nay tình lại nguyên
 Em về đan mối tơ duyên
 Vào tà áo mới, đừng tìm duyên xưa.
 Bao nhiêu giọt lệ còn thừa,
 Hãy dành mà khóc những giờ vợi vong.
 Bao nhiêu giọt lệ còn thừa,
 Hãy dâng cho trọn nghĩa chồng, hồn cha.
 Nhắc làm chi chuyện đôi ta
 Cuộc đời anh đã phong ba dập vùi...

Hãy vui lên các anh ơi
 Nàng đi, tôi gọi hồn tôi trở về
 Tâm hồn lạnh nhạt đêm nghe
 Tiếng mùa lá chết đã xô dịch chiều

Giờ hình như gió thổi nhiều
 Những loài "hoa máu" đã gieo nót đời.
 Bao nhiêu nghệ sĩ nổi trôi
 Sá chi cái đẹp dưới trời mong manh?
 Sá chi những chuyện tâm tình
 Lòng đau đem chứa trong bình rượu cay.

Thâm Tâm

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 307, 4-5-1940)



Màu máu ti gôn

Gửi TTKh.

Người ta trả lại cánh hoa tàn
 Thôi thể tình duyên đành dở dang
 Màu máu Ti - Gôn đã biến sắc
 Tim người yêu cũ phủ màu tang.

K. hỡi, người yêu của tôi ơi!
 Nào ngờ em giết chết một đời
 Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ
 Hình ảnh em hoài mãi không thôi.

Quên làm sao được thuở ban đầu
 Một cánh Ti - Gôn dạ khắc sâu
 Một cánh hoa xưa màu hy vọng
 Nay còn dư ảnh trái tim đau.

Anh biết làm sao được hờ trời
 Dứt tình sao nữ nhớ không thôi
 Xin em hãy giữ màu hoa úa
 Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời.

Thâm Tâm -----

Dang Dở

Khi biết lòng anh như đã chết,
 Mây trôi hồng mà lá cũng trôi xanh.
 Màu hoa tươi cũng héo ở trên cành.
 Và vũ trụ thấy một màu đen tối
 Anh cố giữ lòng anh không bối rối,
 Để mơ màng tưởng nhớ phút giây xưa
 Em cùng anh sánh gót dưới bóng dừa,
 Một đêm trăng sáng trên đường đá đỏ.
 Em nói những gì? Anh còn nhớ rõ,
 Nhưng làm sao? Ai hiểu tại làm sao?
 Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào,
 Tình đã chết, có mong gì sống lại!
 Anh không trách chi em điều ngang trái,
 Anh không buồn số kiếp quá mong manh!
 Có gì đâu bướm muốn xa cành,
 Anh cứ tiếc cái gì xưa đã chết.
 Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
 Anh càng buồn càng muốn kết thành thơ,
 Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
 Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.
 Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
 Như mộng kiều đầm âm tuổi xuân xanh,
 Như hương trinh bát ngát ý dịu lành,
 Hòa nhạc mới chiều dâng tởn hạnh phúc.
 Cuộc ly biệt ngỡ đâu vừa đúng lúc,
 Lòng băng khuâng, bối rối trước khúc quanh,
 Đi không đành, mà ở cũng không đành,
 Muôn chim Việt hãy về thành Nam cũ.
 Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá,
 Nhưng lòng anh đã bình thản lại rồi
 Hết đau buồn và cảm thấy sục sôi
 Niềm uất hận của một thời lạc lối
 Lầy nghệ thuật làm trò hề múa rối,
 Đem tài hoa cung phụng sống mắt huyền.
 Để khẩn cầu xin một nụ cười duyên;
 Nàng kiều nữ chốn lầu hoa thâm kín.
 Trong khi đó, thanh niên không bịn rịn.
 Già gia đình, trường học để ra đi
 Họa xâm lăng đe dọa ở biên thù,
 Kêu gọi lính giục lòng trai cứu quốc.
 Thôi em nhé! từ đây anh cất bước,
 Em yên lòng vui hưởng cuộc đời vui
 Đừng buồn thương, nhớ, tiếc, hoặc ngậm ngùi,
 Muôn việc thầy đều do nơi số kiếp

THÂM TÂM -----